

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2022
V/v ly hôn
và tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trai.
Ông Trần Trung Kiên.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về “*Ly hôn và tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Ngọc L, sinh năm: 1999 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).
Địa chỉ: ấp a, xã MC, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991 (*Vắng mặt không lý do*).
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1974 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).
Cùng địa chỉ: ấp b, xã MC, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-12-2019, đơn khởi kiện (bổ sung) đề ngày 11-11-2021, bản tự khai ngày 01-11-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Ngọc L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đi đến hôn nhân qua mai mối, hai bên gia đình đồng ý, tiến hành lễ cưới vào tháng 02 năm 2019, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC vào ngày 23-5-2019. Nữ trang ngày cưới có

đôi bông tai 0,4 chỉ vàng 18K, một sợi dây chuyền tính luôn cả mặt 06 chỉ vàng 24K và cặp nhẫn cưới 0,6 chỉ vàng 18K, chị đang quản lý đôi bông tai và một nhẫn cưới 0,3 chỉ vàng 18K, anh T quản lý một nhẫn cưới 0,3 chỉ vàng 18K, còn sợi dây chuyền có mặt hiện do mẹ chồng là bà Nguyễn Thị U đang quản lý. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp ý nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi, anh T thường xuyên say xỉn, không chăm lo làm ăn, mặc dù chị có khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi mà ngày càng phát sinh thêm. Nên từ tháng 10 năm 2019, chị đã sống ly thân với anh T cho đến nay thời gian đã rất lâu mà không hàn gắn lại được. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, nợ chung phải thu, phải trả: Chị và anh Nguyễn Văn T không có con chung; không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của chị với anh T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chỉ có vàng cưới, ngoài ra không có tài sản chung nào khác. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu bà Nguyễn Thị U trả lại vàng cưới là sợi dây chuyền, để chị và anh T chia đôi mỗi người 03 chỉ vàng 24K. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị có đơn tự nguyện xin rút lại phần yêu cầu này, để chị với anh T, bà U tự thỏa thuận. Nếu sau khi ly hôn có tranh chấp, chị sẽ khởi kiện lại sau.

Chị xác định ngoài những giấy tờ đã nộp kèm đơn khởi kiện, thì chị không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Chị cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Ngọc L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Tỷ đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với chính quyền địa phương ấp b, xã MC cho biết từ trước đến nay anh T có hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng nhà với cha mẹ ruột là ông Nguyễn Văn NA, bà Nguyễn Thị U tại ấp b, xã MC, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng anh Tỷ tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-5-2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U trình bày:* Bà là mẹ ruột của anh Nguyễn Văn T, mẹ chồng của chị Lê Ngọc L. Anh T hiện vẫn đang sống chung nhà với cha mẹ. Do ban ngày anh T có công việc làm, nên ít khi ở nhà, đến chiều tối mới về. Việc anh T, chị L đi đến hôn nhân là do cha mẹ hai bên mai mối và anh T, chị L đồng ý, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC. Ngày cưới có cho hai con vàng cưới gồm đôi bông tai 05 phân vàng 18K, cặp nhẫn cưới 02 chỉ vàng 18K và sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K. Hiện tại chị L đang giữ đôi bông tai và cặp nhẫn cưới, còn bà đang giữ sợi dây chuyền. Bà không rõ quá trình anh T, chị L sống chung xảy ra mâu

thuần thê nào. Nhưng sau ngày cưới, chị L sống chung gia đình chồng được khoảng hai tháng thì đi khỏi nhà chồng, sau đó thì sống ly thân với anh T. Do quá trình anh T, chị L ly thân đến nay đã rất lâu, bà có hỏi chuyện với anh T, anh T cũng thống nhất ly hôn nhưng không muốn ra Tòa, vì không muốn gặp chị L. Đối với sợi dây chuyền vàng cưới, bà không đồng ý trả lại cho chị L để phân chia với anh T. Bà xác định bà và anh T thống nhất với các chứng cứ chị L đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho biết. Riêng bà và anh T không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị U có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc L: Cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, nợ chung: không có. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, do chị L tự nguyện rút yêu cầu. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lê Ngọc L là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, bà U theo luật định. Đối với anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt

hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Ngày 25-5-2022, Tòa án triệu tập hợp lệ anh T để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh T vắng mặt không lý do. Ngày 03-6-2022, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với anh T để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Lê Ngọc L và anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC vào ngày 23-5-2019, nên hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị L cho rằng do vợ chồng không hợp ý nhau, thường xuyên cự cãi, anh T không chăm lo làm ăn, chị khuyên ngăn không được, nên đã tự sống ly thân với anh T từ tháng 10 năm 2019 đến nay mà không hàn gắn lại được; Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L cương quyết xin được ly hôn với anh T. Đối với anh Nguyễn Văn T theo xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương ấp b, xã MC và với người thân trong gia đình anh xác định thì anh T vẫn đang cư trú tại địa phương; Bà Nguyễn Thị U (là mẹ ruột anh T) xác nhận có chuyển các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T như thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên đối chất,..., xác nhận anh T biết việc chị L khởi kiện ly hôn với anh T, nhưng do anh T bận nhiều công việc, không muốn đến Tòa gặp mặt chị L, nên anh T không đi, không cung cấp lời khai, cũng không cung cấp chứng cứ nào để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh với chị L.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Chị L, anh T xác lập hôn nhân từ năm 2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn (từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019). Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử với nhau, đáng lẽ ra anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi có bất đồng xảy ra, vợ, chồng không hài hòa về cách cư xử của bản thân, đã tự ý sống ly thân nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ*

sống chung với nhau, ...”, nhưng chị L, anh T đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[5] Theo các Biên bản xác minh cùng ngày 05-5-2022 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp b, xã MC, với bà Nguyễn Thị U (là mẹ ruột của anh T) cho biết: Sau ngày cưới, chị L, anh T sống chung nhà với cha mẹ của anh T tại ấp b, xã MC, huyện C, tỉnh Trà Vinh được hơn hai tháng, thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, rồi chị L rời khỏi nhà chồng, tuy không biết cụ thể mâu thuẫn trong cuộc sống chung giữa chị L, anh T, nhưng xác nhận chị L, anh T sau ngày cưới chỉ sống chung được vài tháng thì ly thân cho đến nay thời gian đã rất lâu. Chị L, anh T không có con chung. Còn về tài sản chung hay nợ chung thì hiện tại không ai có tranh chấp hay khiếu nại gì đối với chị L, anh T.

[6] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 09-11-2021, 26-11-2021 để chị L, anh T có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Anh T không thể hiện mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị L.

[7] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị L, anh T đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho chị L được ly hôn với anh T.

[8] *Về con chung*: Chị Lê Ngọc L xác định chị và anh Nguyễn Văn T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về tài sản chung*: Chị Lê Ngọc L xác định tài sản chung của chị với anh Nguyễn Văn T chỉ có vàng nữ trang cưới, ngoài ra không tạo lập tài sản chung khác. Theo đơn khởi kiện, chị L yêu cầu bà Nguyễn Thị U trả lại sợi dây chuyền cưới để chia đôi khi ly hôn với anh T. Nhưng ngày 10-5-2022, chị L có đơn xin rút lại phần yêu cầu này, để tự thỏa thuận với anh T và bà U. Trường hợp sau khi ly hôn mà có tranh chấp về tài sản chung, chị sẽ khởi kiện lại sau. Đối với anh T đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa án, không có lời trình bày để xác định tài sản chung của vợ chồng, anh cũng không có yêu cầu phản tố. Đối với bà U không đồng ý với yêu cầu của chị L, không yêu cầu độc lập trong cùng vụ án. Xét việc chị L rút một phần đơn khởi kiện là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, nên đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị L.

[10] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Lê Ngọc L xác định quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Văn T không nợ ai, cũng không ai nợ chị và anh T, không yêu cầu giải quyết. Đối với anh T đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa án, nên không có lời trình bày của anh về xác định nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét.

[11] *Về án phí sơ thẩm*: Chị Lê Ngọc L có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định. Hoàn trả lại cho chị L tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản khi ly hôn, do chị rút lại phần yêu cầu này.

[12] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Lê Ngọc L và anh Nguyễn Văn T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc L đối với anh Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị U do chị L rút lại yêu cầu về việc chia tài sản khi ly hôn. Dành cho các đương sự khởi kiện bằng một vụ án khác, nếu có tranh chấp yêu cầu.

4. Về nợ chung: Chị Lê Ngọc L và anh Nguyễn Văn T chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0006507 ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả lại cho chị L 780.000đ (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0006520 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã MC;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo